

Chương 2: Chuyên chở hàng hóa XNK bằng đường biển

III- Phương thức thuê tàu chợ

1- Khái niệm

Tàu chợ là tàu chở hàng thường xuyên chạy trên một tuyến đường nhất định, ghé qua những cảng nhất định theo một lịch trình định trước

Thuê tàu chợ là việc chủ hàng thông qua đại lý yêu cầu giành một chỗ trên tàu để chuyên chở hàng hóa từ nơi này đến nơi khác

Booking note → giấy lưu khoang (giấy lưu cước tàu chợ)

III- Phương thức thuê tàu chợ

2- đặc điểm

Tàu chạy theo một lịch trình định trước

Cước phí được công bố từ trước:

$$F = f + I + O + S (t)$$

Chứng từ vận tải B/L (*Bill of Lading*)

Áp dụng khi nào?

Chương 2: Chuyên chở hàng hóa XNK bằng đường biển

IV- Vận đơn đường biển (B/L)

Bill of lading, Ocean bill of lading, marine bill of lading

1- Khái niệm

Là chứng từ vận tải mà người chuyên chở cấp cho người gửi hàng khi nhận hàng để xếp hoặc xếp hàng lên tàu

IV- Vận đơn đường biển (B/L)

2- Cách phát hành BL

BL được phát hành thành các bản gốc và bản copy (bản sao)

Một bộ BL thường gồm 3 bản gốc và nhiều bản sao

Số bản copy được cấp theo yêu cầu của người gửi hàng

IV- Vận đơn đường biển (B/L)

3- Chức năng của BL

Bằng chứng của hợp đồng vận tải

Biên lai nhận hàng để chở của người chuyên chở

Là chứng từ sở hữu hàng hóa (*document of title*)

IV- Vận đơn đường biển (B/L)

3- Chức năng của BL

Ký hậu BL: là việc ký và đóng dấu vào mặt sau của tờ BL, qua đó tài sản được chuyển từ sở hữu của người này sang người khác

Có 3 cách ký hậu:

Ký hậu đích danh

Ký hậu theo lệnh

Ký hậu vô danh

4- Phân loại BL

**4.1- căn cứ vào người hưởng thụ trên BL
(hoặc khả năng lưu thông của BL)**

- BL đích danh (straight BL)**
- BL theo lệnh (to order BL)**
- BL vô danh (to bearer BL)**

4- Phân loại BL

4.2- căn cứ vào ghi chú trên BL

BL hoàn hảo (clean BL)

BL không hoàn hảo (unclean BL)

4- Phân loại BL

4.3- căn cứ vào hành trình vận tải

BL đi thẳng (*direct BL*)

BL chở suốt (*through BL*)

BL đa phương thức (*multimodal transport BL, intermodal transport BL, combined transport BL*)

4- Phân loại BL

4.4- căn cứ vào việc đã xếp hàng hay chưa
BL đã xếp (shipped on board BL)

BL nhận để xếp (received for shipment BL,
taken in charge BL)

4- Phân loại BL

4.5- một số loại BL và chứng từ vận tải khác
BL do người giao nhận cấp (FBL, FCT, House BL)

BL theo hợp đồng thuê tàu (charter party BL)

BL đã xuất trình (surrendered BL)

BL có thể thay đổi (switch BL)

BL thuyền phó (mate's BL)

Giấy gửi hàng đường biển (seawaybill)

BL đến chậm (Stale BL)

5- Nội dung của BL

5.2- Mặt sau: các điều khoản in sẵn của hãng tàu

Both to blame collision clause

General average clause

Nguồn luật áp dụng